

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Vũ Trinh Vương¹, Ao Xuân Hoà¹, Châu Thị Đào²

Ngày nhận bài: 26/4/2023; Ngày phản biện thông qua: 26/8/2023; Ngày duyệt đăng: 27/8/2023

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp thu thập từ UBND tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông. Phương pháp thống kê được sử dụng để mô tả tình hình giảm nghèo ở tỉnh Đắk Nông dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo các giai đoạn 2016 - 2020 và 2021 - 2025 cũng như thực trạng quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả cho thấy, số lượng hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được thực hiện đồng bộ. Các chính sách về giảm nghèo cơ bản đáp ứng nhu cầu cần thiết của hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số. Giải pháp đề xuất tập trung vào chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, ưu tiên phân bổ vốn cho huyện có tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số cao, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo ở các địa phương, tăng cường việc kiểm tra thực hiện giảm nghèo.

Từ khóa: *Quản lý nhà nước, giảm nghèo bền vững, đồng bào dân tộc thiểu số, Đắk Nông.*

1. MỞ ĐẦU

Nghèo là trường hợp một bộ phận dân cư chưa được đảm bảo về mức sống tối thiểu và khó tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (Phạm Thị Tâm, 2022). Giảm nghèo bền vững là quá trình giảm số lượng hộ nghèo, giúp cho bộ phận dân cư nghèo vượt chuẩn nghèo, hạn chế tối đa sự tái nghèo trở lại. Ở Việt Nam ban hành chuẩn nghèo cho mỗi giai đoạn 5 năm trong chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giảm nghèo bền vững để đo lường tình trạng nghèo. Trong đó, giai đoạn 2016 - 2020, quy định chuẩn nghèo gồm các tiêu chí về thu nhập và có 05 dịch vụ xã hội cơ bản là y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin với 10 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg). Giai đoạn 2021 - 2025, chuẩn nghèo thay đổi theo sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, trong giai đoạn này, tăng mức thu nhập bình quân/người/tháng và bổ sung chiều thiếu hụt về việc làm, gồm 06 dịch vụ xã hội cơ bản với 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt (Nghị định số 07/2021/NĐ-CP). Như vậy, quản lý nhà nước (QLNN) về giảm nghèo bền vững là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực của nhà nước đối với giảm nghèo thông qua các hoạt động như ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giảm nghèo; tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo; huy động nguồn lực cho chương trình, dự án giảm nghèo; và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giảm nghèo. Qua đó, giúp người nghèo từng bước thoát khỏi tình trạng

nghèo, vươn lên thoát nghèo bền vững (Nguyễn Thị Thu Thảo, 2019).

QLNN về giảm nghèo bền vững được nhiều nhà khoa học quan tâm, nhìn chung các nghiên cứu thực hiện dưới nhiều phạm vi và góc độ khác nhau. Trong đó, phần lớn là đánh giá thực trạng QLNN về giảm nghèo, giải pháp giảm nghèo bền vững nói chung và đối với đồng bào dân tộc thiểu số (ĐBDTTS) nói riêng. Cụ thể, tác giả Nguyễn Hồng Hà và Dương Nhựt Trường (2022), đã đánh giá thực trạng QLNN đối với hộ nghèo, tình hình giảm nghèo của đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời đề xuất một số giải pháp tăng cường vai trò của Nhà nước nhằm thúc đẩy giảm nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tương tự, tác giả Nguyễn Phan Thị Thanh Xuân (2016) phân tích thực trạng công tác QLNN về xóa đói giảm nghèo đối với ĐBDTTS ở tỉnh Gia Lai. Nghiên cứu của nhóm tác giả Hồ Ngọc Ninh và cộng sự (2020) nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững cho dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Nghiên cứu cho thấy, nhiều chính sách, dự án giảm nghèo được triển khai và đời sống của dân tộc La Ha ở Quỳnh Nhai có nhiều cải thiện, nhưng tỷ lệ hộ nghèo dân tộc La Ha còn cao. Vì vậy, để giảm nghèo bền vững cho dân tộc La Ha cần thực hiện đồng bộ các chính sách về cơ sở hạ tầng nông thôn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, tiếp cận vốn và sử dụng vốn vay hiệu

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

²Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông;

Tác giả liên hệ: Vũ Trinh Vương; ĐT: 0986322321; Email: vtvuong@ttn.edu.vn.

quả, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Tuy đã có tác giả thực hiện nghiên cứu QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Lê Thị Ly Na, 2018) nhưng mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc M'ông, chưa có sự khái quát cho ĐBDTTS nói chung. Do đó, việc nghiên cứu về thực trạng QLNN đối với ĐBDTTS tại tỉnh Đắk Nông là cần thiết.

Đắk Nông là một tỉnh miền núi biên giới, có 40 dân tộc cùng sinh sống. Toàn tỉnh có 07 huyện và 01 thành phố với 71 xã, phường, thị trấn. Dân số trên địa bàn tỉnh năm 2022 khoảng 687.188 người, trong đó ĐBDTTS hơn 212.658 người, chiếm tỷ lệ gần 31% dân số toàn tỉnh; có 03 thành phần ĐBDTTS tại chỗ (gồm M'ông, Mạ và Ê Đê) với khoảng 69.756 người chiếm 32,8% trong tổng số ĐBDTTS (HĐND tỉnh Đắk Nông, 2022). Theo báo cáo của UBND tỉnh Đắk Nông (2018), hộ nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn chiếm tỷ lệ cao và không đồng đều giữa các địa phương; xu hướng nghèo tập trung chủ yếu ở nhóm ĐBDTTS. Mặc dù, tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên toàn tỉnh giảm, trong đó các huyện nghèo giảm đạt được mục tiêu đề ra (từ 4 - 5%) nhưng toàn tỉnh vẫn còn huyện Đắk G'long và Tuy Đức có tỷ lệ hộ nghèo cao (trên 50%); có 12 xã đặc biệt khó khăn (với tỷ lệ hộ nghèo trên 50%); 20 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%; 32 xã có tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ trên 20%. Do đó, các chính sách về giảm nghèo của Trung ương đã được tỉnh Đắk Nông quan tâm chỉ đạo thông qua các chương trình, kế hoạch ban hành phù hợp với tình hình thực tiễn và đã được triển khai đồng bộ, kịp thời ở tất cả các cấp, các ngành. Vì vậy, Đắk Nông đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS so với tổng số hộ trên địa bàn tỉnh giảm qua các năm, cụ thể năm 2021 là 7,82% giảm còn 5,73% vào năm 2022; cơ sở hạ tầng các vùng nghèo được đầu tư, nâng cấp; hộ nghèo đã được hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch,... ngày càng tốt hơn; đời sống của người nghèo ĐBDTTS từng bước được cải thiện (UBND tỉnh Đắk Nông, 2014; HĐND tỉnh Đắk Nông, 2016; HĐND tỉnh Đắk Nông 2022; Tỉnh ủy tỉnh Đắk Nông, 2021).

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Bài viết nhằm (1) Phân tích tình hình giảm nghèo đối với ĐBDTTS tại tỉnh Đắk Nông; (2) Đánh giá thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS ở tỉnh Đắk Nông; (3) Đề

xuất giải pháp trong QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS ở tỉnh Đắk Nông.

2.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS tại tỉnh Đắk Nông.

Nội dung nghiên cứu: Bài viết đánh giá tình hình giảm nghèo đối với ĐBDTTS tại tỉnh Đắk Nông dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo các giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025; đồng thời phân tích thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS ở tỉnh Đắk Nông. Về cơ bản nội dung của QLNN đối với những vấn đề xã hội nói chung là việc nhà nước thực hiện các chức năng quản lý, hay nói cách khác, đó là tập hợp những nhiệm vụ mà nhà nước phải tiến hành trong quá trình quản lý, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và kiểm soát (Phạm Thị Thanh Mai, 2013). Trên cơ sở đó, nội dung của QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS trong bài viết đề cập đến hoạt động ban hành các chính sách; bố trí nguồn lực; tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát về giảm nghèo. Qua đó, bài viết đề xuất các giải pháp hoàn thiện QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông, UBND tỉnh Đắk Nông, và các tài liệu khác từ các tạp chí, và website.

Phương pháp phân tích: Bài viết sử dụng phương pháp thống kê để mô tả thực trạng giảm nghèo đối với ĐBDTTS cũng như QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS thông qua các chỉ tiêu như số lượng và tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS, số lượng và tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS theo thành phần dân tộc, đơn vị hành chính.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Đắk Nông

3.1.1. Kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 và 2021 - 2025

Giai đoạn 2016 - 2020, áp dụng chuẩn nghèo đa chiều theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, tỷ lệ hộ nghèo tỉnh Đắk Nông đã giảm từ 19,2% năm 2016, xuống 6,98% năm 2020. Trong đó, tốc độ giảm bình quân của hộ nghèo là 19,98%; hộ nghèo dân tộc Kinh là 24,92%; hộ nghèo ĐBDTTS là 17,13%.

Trong 02 năm (2021 và 2022) thực hiện rà soát

hộ nghèo theo Nghị định số 07/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, theo đó tốc độ giảm bình quân của hộ nghèo là 27,05% cao hơn so với bình quân giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, hộ nghèo dân tộc Kinh có tốc độ giảm bình quân là 31,78% và hộ nghèo ĐBDTTS có tốc độ giảm bình quân là 25,02%. Tỷ lệ hộ nghèo so

với tổng số hộ trên địa bàn tỉnh của 2 năm này cũng cao hơn (năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo là 11,19%; năm 2022 là 7,97%), do số lượng hộ nghèo được tổng soát đầu kỳ theo chuẩn nghèo mới để làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo cho giai đoạn 2021 - 2025.

Bảng 1. Kết quả rà soát hộ nghèo tại tỉnh Đắk Nông theo chuẩn nghèo đa chiều các giai đoạn

Chỉ tiêu	Chuẩn nghèo đa chiều GD 2016 – 2020					Chuẩn nghèo đa chiều GD 2021 – 2025			
	2016	2017	2018	2019	2020	BQ (%)	2021	2022	BQ (%)
1. Tổng số hộ (Hộ)	149.689	151.776	156.010	162.832	168.841	3,06	163.450	167.434	2,44
2. Tổng hộ nghèo (Hộ)	28.739	25.144	21.070	17.128	11.785	-19,98	18.290	13.342	-27,05
2.1. Kinh	11.507	9.933	7.673	5.882	3.657	-24,92	5.501	3.753	-31,78
2.2. DTTS	17.232	15.211	13.397	11.246	8.128	-17,13	12.789	9.589	-25,02
Tỷ lệ (2)/(1) (%)	19,20	16,57	13,51	10,52	6,98		11,19	7,97	

Nguồn: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông

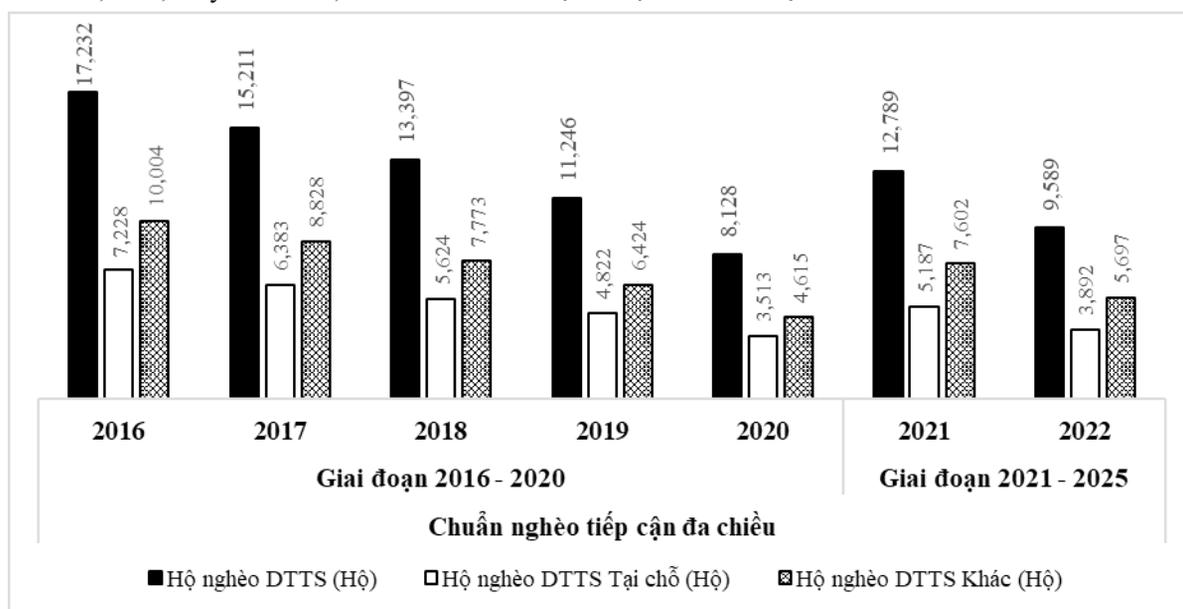
Chú thích: GD (Giai đoạn); BQ (Bình quân); DTTS (Dân tộc thiểu số).

3.1.2. Kết quả giảm nghèo đối với hộ nghèo ĐBDTTS phân theo thành phần dân tộc

Đồ thị 1 cho thấy hộ nghèo ĐBDTTS khác (chủ yếu là di cư), có số lượng lớn hơn so với hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ. Theo thống kê, ĐBDTTS di cư phần lớn là các dân tộc miền núi phía Bắc như Tày, Thái, Mường, Nùng, Dao, Mông (trong đó dân tộc Mông chiếm khoảng 4,98%, Nùng chiếm 4,83%, Tày chiếm 3,72% và các dân tộc

khác chiếm tỷ lệ nhỏ).

Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020, tổng số hộ nghèo ĐBDTTS là 17.232 hộ vào năm 2016, trong đó hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ là 7.228 hộ và ĐBDTTS khác là 10.004 hộ. Đến năm 2020, tổng số hộ nghèo ĐBDTTS, hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ và hộ nghèo ĐBDTTS khác đều giảm còn lần lượt là 8.128 hộ, 3.513 hộ và 4.615 hộ.



Nguồn: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông.

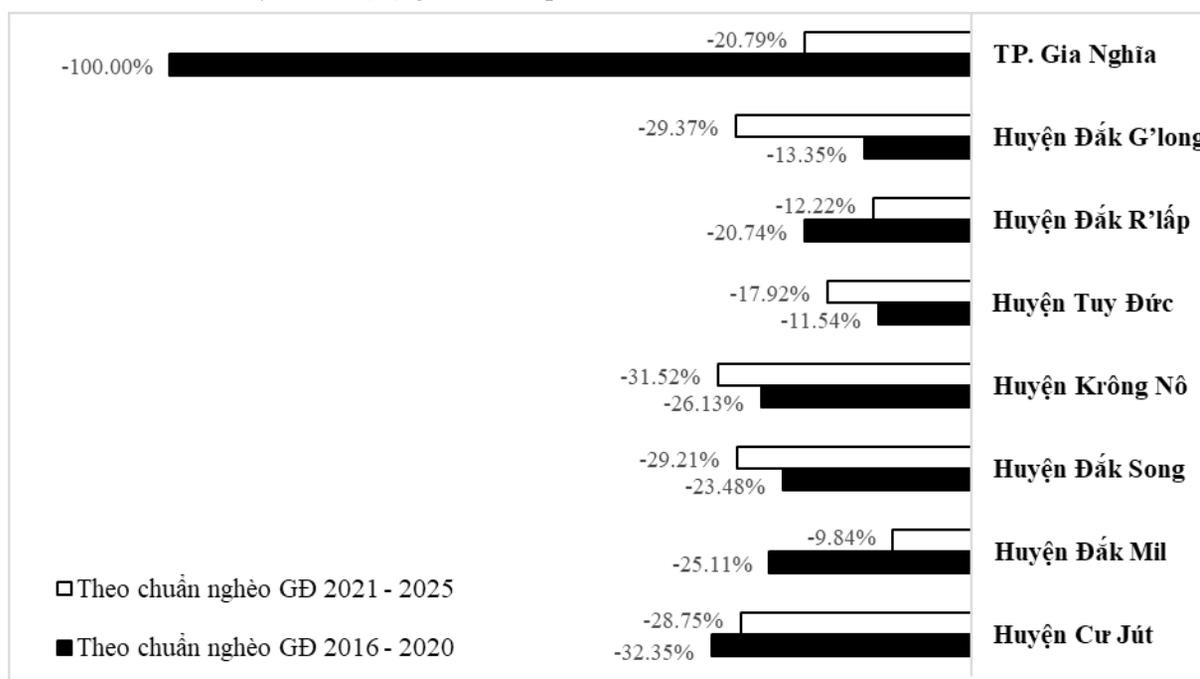
Đồ thị 1. Số lượng hộ nghèo ĐBDTTS phân theo thành phần dân tộc tại tỉnh Đắk Nông

Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025, số lượng hộ nghèo ĐBDTTS giảm qua các năm. So với năm 2021, số hộ nghèo ĐBDTTS năm 2022 giảm 3.200 hộ còn 9.589 hộ (trong đó, hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ giảm còn 3.892 hộ và ĐBDTTS khác giảm còn 5.697 hộ). Tuy nhiên nếu so sánh theo chuẩn nghèo của 02 giai đoạn thì năm 2021 có số hộ nghèo tăng so với năm 2020, vì năm 2021 được tổng soát căn cứ theo chuẩn nghèo mới nên một số hộ cận nghèo đã trở thành hộ nghèo và một số hộ đã thoát nghèo tái nghèo trở lại do sự thay đổi về tiêu chí tiếp cận của chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 so với giai đoạn 2016 - 2020.

3.1.3. Kết quả giảm nghèo đối với hộ nghèo ĐBDTTS phân theo đơn vị hành chính

Huyện Đắk G'long và Tuy Đức là địa phương có số lượng hộ nghèo ĐBDTTS nhiều nhất trên toàn tỉnh. Đồ thị 2 cho thấy tốc độ (%) giảm bình quân

hộ nghèo ĐBDTTS theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là không đồng đều ở các địa phương. Ngoài thành phố Gia Nghĩa đạt 100% về tốc độ giảm nghèo trong giai đoạn 2016 - 2020, thì các huyện gồm Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song và Đắk R'lấp có tốc độ giảm bình quân trong giai đoạn này đạt trên 20%. Các địa phương còn lại (Đắk G'long và Tuy Đức) có tốc độ giảm bình quân dưới 15% đó cũng chính là 02 huyện có số hộ nghèo ĐBDTTS nhiều nhất tỉnh nên tốc độ giảm nghèo thấp. Có thể thấy, hầu hết các địa phương đã triển khai thực hiện tốt công tác giảm nghèo đối với hộ nghèo ĐBDTTS, do vậy tỉnh Đắk Nông cần rút ra bài học kinh nghiệm, thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả, đổi mới công tác tổ chức,... cho các địa phương khác (nhất là các huyện có số lượng hộ nghèo ĐBDTTS nhiều và có tốc độ giảm nghèo thấp).



Nguồn: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông.

Chú thích: GD (Giai đoạn); TP (Thành phố).

Đồ thị 2. Tốc độ giảm bình quân (%) của hộ nghèo ĐBDTTS ở tỉnh Đắk Nông theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021-2025

Đối với chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025, theo kết quả rà soát hộ nghèo của năm 2021 và 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có sự thay đổi về tốc độ giảm nghèo bình quân trong 2 năm này ở các địa phương (đồ thị 2). Đây là kết quả của sự nỗ lực của chính quyền các cấp trong việc thực hiện các chính sách về giảm nghèo đặc thù đối với từng địa phương nhằm tăng tốc độ giảm nghèo ở các địa phương nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung. Đặc biệt là huyện Đắk G'long từ một địa phương có tốc độ giảm nghèo bình quân thấp chỉ

giảm 13,35% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020, giảm tới 29,37% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025.

Qua đó, tỉnh Đắk Nông cần có những lưu ý về cơ chế, chính sách (phân bổ vốn thực hiện, thay đổi kế hoạch giảm nghèo phù hợp với từng đặc thù của địa phương, bổ sung chính sách hỗ trợ, khuyến khích giảm nghèo...) để giúp hộ nghèo ĐBDTTS ở các địa phương vươn lên thoát nghèo một cách bền vững.

3.2. Thực trạng quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Đắk Nông

3.2.1. Ban hành các kế hoạch, chính sách

Trên cơ sở chương trình giảm nghèo bền vững của Quốc hội và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương có liên quan, Cấp ủy, chính quyền tỉnh Đắk Nông đã ban hành nhiều văn bản thực hiện trong công tác giảm nghèo bền vững cho các giai đoạn thực hiện theo chuẩn nghèo tiếp cận giai đoạn 2016 - 2020 và 2021 - 2025. Với các chính sách giảm nghèo đặc thù cho hộ nghèo ĐBDTTS ở tỉnh Đắk Nông triển khai (HĐND tỉnh Đắk Nông, 2016), bao gồm:

a. Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo: Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021, và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND.

b. Chính sách hỗ trợ lãi suất cải thiện nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh và phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ (Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND):

- Hỗ trợ lãi suất đối với hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ khi vay vốn tại ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

- Hỗ trợ lãi suất xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đối với hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ thuộc khu vực nông thôn khi vay vốn tại NHCSXH để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chính sách hỗ trợ lãi suất phát triển, đa dạng hóa sinh kế: Hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ vay vốn sử dụng vào mục đích mua sắm công cụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng, phục vụ sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập.

Ngoài các kế hoạch, chương trình ban hành chung thực hiện cho công tác giảm nghèo bền vững, UBND tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông thực hiện Đề án giảm nghèo theo địa chỉ tỉnh Đắk Nông, với mục tiêu tập trung nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo tại các địa bàn trọng điểm, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kịp thời, đủ để thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại 16 địa bàn thôn, bon, buôn trọng điểm của các huyện, thị xã đã lựa chọn. Qua đó, có thể đáp ứng yêu cầu mới về giảm nghèo một cách bền vững theo hướng giảm nghèo cụ thể đến từng

đối tượng, địa bàn, phạm vi và lộ trình giảm nghèo từng năm, đồng thời gắn trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo và quản lý, theo dõi, giúp đỡ hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ (UBND tỉnh Đắk Nông, 2018).

3.2.2. Bố trí các nguồn lực thực hiện

a. Tổ chức bộ máy

Tỉnh Đắk Nông đã kiện toàn và thành lập Ban Chỉ đạo các CTMTQG giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 1842/QĐ-UBND) và giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2376/QĐ-UBND), nhằm phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên, phân định rõ trách nhiệm của các Sở, ngành và địa phương; thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc khi thực hiện; xây dựng các chương trình phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện giảm nghèo bền vững.

- *Ban Chỉ đạo cấp tỉnh:* gồm 36 thành viên, trong đó: Trưởng Ban Chỉ đạo (Chủ tịch UBND tỉnh); 02 Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; 04 Ủy viên thường trực (gồm các Giám đốc của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, và Trưởng Ban Dân tộc tỉnh); và 29 Sở, Ban, ngành có liên quan khác làm thành viên.

- *Ban Chỉ đạo cấp huyện:* 08/08 huyện, thị xã của tỉnh đã kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo các CTMTQG cấp huyện để chỉ đạo, điều hành chung các CTMTQG.

- *Ban Quản lý cấp xã và Ban Phát triển thôn, bon, buôn:* 61/61 xã trên địa bàn tỉnh đã thành lập, kiện toàn Ban Quản lý các CTMTQG cấp xã và có 679/679 thôn, bon, buôn thành lập Ban Phát triển thôn, bon, buôn để triển khai thực hiện các CTMTQG (UBND tỉnh Đắk Nông, 2020).

b. Nguồn lực tài chính

Tỉnh Đắk Nông đã thực hiện tốt quy chế lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các CTMTQG trong từng giai đoạn để góp phần thúc đẩy quá trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh nhằm đạt được kết quả cao nhất. Tăng cường nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo theo mức vay tối đa quy định, đồng thời gắn trách nhiệm, cam kết sử dụng nguồn vay vốn đúng mục đích, hiệu quả và tác động đến khả năng thoát nghèo của hộ nghèo (bảng 2).

Bảng 2. Phân bổ vốn cho các chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 tại tỉnh Đắk Nông

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1. Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 56/2016	4.100	27.497	23.167	25.869	35.417
2. Chính sách hỗ trợ về BHYT cho hộ cận nghèo ĐBDTTS tại chỗ (Bảo hiểm Xã hội Đắk Nông)	2.658	2.174	198	1.722	7.154
3. Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 31/2016 về chính sách hỗ trợ HS-SV DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo	-	13.682	14.542	17.214	3.828
4. Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo thực hiện Quyết định số 33/2015	-	2.540	8.644	7.055	-
Tổng vốn từ ngân sách địa phương	6.758	45.893	46.551	51.860	46.399

Nguồn: UBND tỉnh Đắk Nông.

Chú thích: BHYT (Bảo hiểm y tế); HS-SV DTTS (Học sinh – Sinh viên dân tộc thiểu số).

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Đắk Nông có kế hoạch phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững (UBND tỉnh Đắk Nông, 2022a) trong đó đặc biệt chú trọng đến 02 huyện có số hộ nghèo ĐBDTTS cao nhất là huyện Đắk G'long và Tuy Đức. Nguồn vốn này được ưu tiên cho:

- Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo tổng vốn đầu tư gần 414 tỷ đồng (phân cấp cho huyện Tuy Đức hơn 205 tỷ đồng và huyện Đắk G'long hơn 208 tỷ đồng).

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm bền vững với tổng số vốn đầu tư hơn 88 tỷ đồng (trong đó: phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn gần 77 tỷ đồng; hỗ trợ việc làm bền vững hơn 12 tỷ đồng).

3.2.3. Về tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù đối với ĐBDTTS

Giai đoạn 2016 - 2020, việc thực hiện chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh đã tác động lớn đến mức giảm tỷ lệ hộ nghèo chung (bình quân hàng năm, các chính sách giảm nghèo của riêng tỉnh Đắk Nông đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo khoảng 0,8% - 1%) (UBND tỉnh Đắk Nông, 2022b). Các chính sách đặc thù của địa phương đối với ĐBDTTS được đánh giá phù hợp, công tác giảm nghèo cơ bản đã đạt được mục tiêu đề ra (UBND tỉnh Đắk Nông, 2020).

Nhìn chung, cuộc sống của các hộ ĐBDTTS sau khi thoát nghèo đã được cải thiện một cách rõ rệt; hộ gia đình có điện thấp sáng, nước sạch, nhà vệ sinh; tỷ lệ học sinh đến trường chuyên cần cao, hạn chế được số học sinh bỏ học. Đa số các hộ nghèo sau khi thoát nghèo đã có ý thức tự lực vươn lên làm kinh tế, không muốn tái nghèo lại (HĐND tỉnh Đắk Nông, 2022).

a. Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên DTTS

thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo

Để tạo cơ hội cho người nghèo có điều kiện hơn trong học tập, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND về hỗ trợ kinh phí học tập và cấp sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh, sinh viên DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2021 - 2022 đã thực hiện cho khoảng 249.529 lượt, với kinh phí trên 102 tỷ đồng.

Chính sách này góp phần giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, tỷ lệ huy động trẻ em đến trường theo độ tuổi tăng. Đồng thời đáp ứng được mục tiêu giải quyết được khó khăn, giảm bớt gánh nặng chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên ĐBDTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế trong quá trình triển khai như việc hoàn thiện, cung cấp hồ sơ của phụ huynh, học sinh, sinh viên còn chậm; thời điểm nhận hồ sơ quy định ở một số văn bản không thống nhất giữa năm học và năm tài chính nên gây nhiều khó khăn trong việc xác định đối tượng thụ hưởng; còn hiện tượng lợi dụng chính sách bằng cách chuyển khẩu vào gia đình người thân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo để đề nghị xét hưởng chế độ (UBND tỉnh Đắk Nông, 2022b). Nhìn chung, chính sách này tương đối hệ thống, toàn diện nhưng còn thiếu đồng bộ, và ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh còn thực hiện chưa tốt nên hiệu quả chưa cao (UBND tỉnh Đắk Nông, 2020).

- b. Chính sách hỗ trợ lãi suất cải thiện nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh và phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ

Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Nông đã phối hợp với các đơn vị và tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cho các hộ nghèo là ĐBDTTS tại chỗ khi tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng. Cụ thể, hỗ trợ lãi suất:

cải thiện nhà ở (287 lượt hộ); xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh (2.166 lượt hộ); phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (5.232 lượt hộ).

Các chính sách hỗ trợ lãi suất đã giúp cho hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ có cơ hội tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi phát triển sản xuất, từng bước ổn định cuộc sống, tạo điều kiện cải thiện chất lượng cuộc sống đối với chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội về vệ sinh, bảo đảm an sinh xã hội (UBND tỉnh Đắk Nông, 2020). Bên cạnh đó, với chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo ĐBDTTS, đã tác động tích cực đến đời sống hộ nghèo ĐBDTTS, nhiều hộ từ chỗ không có nhà ở hoặc nhà tạm bợ nay có nhà ở khang trang, cuộc sống ổn định (UBND tỉnh Đắk Nông, 2022b). Tuy nhiên, theo báo cáo đánh giá của UBND tỉnh Đắk Nông (2014) thì mức hỗ trợ trong chính sách nhà ở còn trung bình và thấp. Hơn nữa, tình trạng “mùng được vay, lo lãi suất” khiến hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ còn thờ ơ với nguồn vốn vay để sản xuất, cải thiện nhà ở, công trình nước sạch và vệ sinh,... từ đó gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống ĐBDTTS tại chỗ, dẫn đến khả năng nghèo mới, tái nghèo là rất cao (HĐND tỉnh Đắk Nông, 2016).

Ngoài ra, hộ nghèo ĐBDTTS phần lớn tập trung ở vùng khó khăn, kinh tế - xã hội chậm phát triển, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; một bộ phận ĐBDTTS thiếu kinh nghiệm sản xuất, một số nơi ĐBDTTS còn thiếu đất sản xuất nên tình trạng tái nghèo của hộ ĐBDTTS còn chiếm tỷ lệ cao.

3.2.4. Kiểm tra, giám sát

UBND tỉnh Đắk Nông tích cực chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương thường xuyên tổ chức giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh và UBND các huyện, thành phố phối hợp trong công tác tổ chức rà soát, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hàng năm.

HĐND và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành các đợt giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

Đắk Nông cũng đã thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn 08 huyện, thành phố của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020.

Hàng năm, tỉnh Đắk Nông tổ chức các cuộc đối thoại, tham vấn người nghèo, hộ nghèo ĐBDTTS trên địa bàn các xã, nhằm báo cáo kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo; đặc biệt việc đối thoại giúp người dân cùng thực hiện, cùng kiểm tra và cùng giám sát các nội dung hoạt động.

3.3. Giải pháp quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông

Kết quả giảm nghèo đối với hộ nghèo nói chung và hộ nghèo ĐBDTTS nói riêng đã tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần bảo đảm an sinh xã hội ở tỉnh Đắk Nông. Các địa phương nhận thức rõ mục tiêu giảm nghèo trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đã tích cực và chủ động triển khai thực hiện. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo ở tỉnh Đắk Nông còn cao, nhất là hộ nghèo ĐBDTTS. Mặc dù, Đắk Nông đã ưu tiên nguồn lực và chính sách giảm nghèo cho vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBDTTS, nhưng trên địa bàn tỉnh vẫn còn huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao (Tuy Đức và Đắk G'long). Các hộ ĐBDTTS thoát nghèo nhưng thiếu bền vững, nguy cơ tái nghèo khi có tác động của các yếu tố bên ngoài, hộ thoát nghèo nhưng chuyển sang cận nghèo còn nhiều. Điều này, một phần là do trình độ và phương thức tổ chức sản xuất của ĐBDTTS tại chỗ còn hạn chế, nên khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn khó khăn, dẫn đến năng suất chưa cao, thu nhập thấp. ĐBDTTS di cư tự do đến tỉnh Đắk Nông chưa được bố trí vào vùng quy hoạch, chủ yếu là tự phát, và đa số là hộ nghèo, hoặc hộ mới tách ra từ hộ nghèo nên gây khó khăn cho việc quản lý, giải quyết việc làm và thực hiện chính sách hỗ trợ. Mặt khác, do việc triển khai thực hiện các chính sách còn thiếu sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành dẫn đến manh mún, dàn trải, các chính sách đa phần còn mang tính hỗ trợ về an sinh xã hội, ít chính sách hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo và các chính sách giảm nghèo đặc thù. Ngoài ra, nguồn kinh phí của trung ương và địa phương phân bổ cho chính sách giảm nghèo còn chậm và thiếu so với nhu cầu thực tế.

Do vậy, để QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS ở tỉnh Đắk Nông được hoàn thiện hơn cần thực hiện các giải pháp sau:

- Ưu tiên ban hành các chính sách hỗ trợ hộ nghèo ĐBDTTS, tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo đặc thù cho ĐBDTTS tại chỗ của tỉnh.

- Kiện toàn bộ máy thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảm nghèo các cấp, chú trọng vào đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc xây dựng kế hoạch, dự án, tổ chức triển khai thực hiện và quản lý chương trình giảm nghèo.

- Thực hiện phân bổ nguồn vốn hiệu quả cho

công tác giảm nghèo ở các địa phương trên địa bàn tỉnh, ưu tiên cho các huyện có tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS cao; đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, và có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo ở các huyện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra; chỉ đạo thực hiện rà soát hộ nghèo hàng năm, đặc biệt đối với hộ nghèo ĐBDTTS.

Bên cạnh đó, giải pháp trọng tâm trước hết là tập trung vào giải quyết ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh. Bởi di cư tự do đã làm phát sinh nhiều vấn đề bất cập về an ninh, kinh tế và xã hội. Một số dân di cư tự do sang nhượng đất sản xuất ở vùng sâu, vùng xa, tự làm nhà sinh sống tách biệt với các cụm dân cư; số khác không có đất sản xuất và đất ở, đang sống du canh du cư ít được tiếp cận các dịch vụ xã hội (y tế, giáo dục, thông tin,...); còn phần lớn hộ ĐBDTTS di cư sống phân tán trên đất rừng, tự phá rừng lấy đất sản xuất nên đời sống gặp nhiều khó khăn.

4. KẾT LUẬN

Đắk Nông là một trong những địa phương có tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS cao (chiếm 71,87% so với

hộ nghèo toàn tỉnh). Xác định giảm nghèo là một trong những chương trình được ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội, do vậy các chính sách về giảm nghèo của tỉnh được ban hành kịp thời và phù hợp; ưu tiên nguồn lực thực hiện giảm nghèo cho các nhóm đối tượng hộ nghèo ĐBDTTS (chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên ĐBDTTS thuộc diện hộ nghèo, chính sách hỗ trợ lãi suất cải thiện nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh và phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo ĐBDTTS tại chỗ). Qua đó, số lượng hộ nghèo ĐBDTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ngày càng giảm (chỉ còn khoảng 5,73% hộ nghèo ĐBDTTS so với tổng số hộ trên toàn tỉnh năm 2022).

Giải pháp đề xuất trong QLNN về giảm nghèo bền vững đối với ĐBDTTS tại tỉnh Đắk Nông bao gồm: Tăng cường công tác chỉ đạo, cần có nhiều chính sách hỗ trợ hơn đối với hộ nghèo ĐBDTTS; hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; thực hiện phân bổ vốn hiệu quả cho công tác giảm nghèo; tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án giảm nghèo ở các địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá công tác giảm nghèo đặc biệt đối với hộ nghèo ĐBDTTS.

THE CURRENT SITUATION OF STATE MANAGEMENT OF SUSTAINABLE POVERTY REDUCTION FOR ETHNIC MINORITIES IN DAK NONG PROVINCE

Vu Trinh Vuong¹, Ao Xuan Hoa¹, Chau Thi Dao²

Received Date: 26/4/2023; Revised Date: 26/8/2023; Accepted for Publication: 27/8/2023

SUMMARY

The article uses secondary data collected from the People's Committee and the Department of Labor, War Invalids and Social Affairs of Dak Nong province. The statistical method is used to describe the poverty reduction situation in Dak Nong province based on the results of the review of poor households according to the poverty line in the periods 2016-2020 and 2021-2025 as well as the current situation of the state management of sustainable poverty reduction for ethnic minorities. Findings showed that the number of ethnic minority poor households is decreasing but still accounts for a high proportion compared to the total number of poor households in the province. The state management of sustainable poverty reduction in Dak Nong province is carried out synchronously. Poverty reduction policies

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

²Department of Labour, War invalids and Social affairs, Dak Nong Province;

Corresponding author: Vu Trinh Vuong; Tel: 0986322321; Email: vtvuong@ttn.edu.vn.

basically meet the needs of ethnic minority poor households. The proposed solution focuses on policies supporting for ethnic minority poor households, improving the capacity of staff working on poverty reduction, prioritizing capital allocation for districts with a high rate of ethnic minority poor households, effectively implementing poverty reduction programs and projects in localities, strengthening the inspection of poverty reduction implementation.

Keywords: *State management, sustainable poverty reduction, ethnic minorities, Dak Nong.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Hồng Hà, Dương Nhật Trường (2022). “Quản lý nhà nước về giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh”, *Tạp chí Công thương – Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 8, tháng 4 năm 2022.
- HĐND tỉnh Đắk Nông (2016). *Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND về ban hành chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020*, Đắk Nông.
- HĐND tỉnh Đắk Nông (2022). *Báo cáo số 28/BC-HĐND về kết quả khảo sát về tình hình đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã thoát nghèo tại tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019-2021*, Đắk Nông.
- Phạm Thị Thanh Mai (2013). *Nội dung và yêu cầu cơ bản trong quản lý Nhà nước các dịch vụ cơ bản đối với người nghèo*, Công thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trích dẫn từ: <http://www.molisa.gov.vn/> [truy cập ngày: 17/02/2023].
- Lê Thị Ly Na (2018). *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững đối với đồng bào M'ông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, Luận văn thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính quốc gia.
- Hồ Ngọc Ninh, Trương Ngọc Tín, Trần Đình Thao (2020). “Giải pháp giảm nghèo bền vững cho dân tộc thiểu số: Trường hợp nghiên cứu đối với dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La”, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 18(12), 1211-1221.
- Phạm Thị Tám (2022). “Giải pháp nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau”, *Tạp chí khoa học và công nghệ - Trường Đại học Bình Dương – Quyển 5*, số 3/2022.
- Nguyễn Thị Thu Thảo (2019). *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia.
- Tỉnh ủy tỉnh Đắk Nông (2021). *Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/12/2021 về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023 và định hướng đến năm 2030*, Đắk Nông.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2014). *Báo cáo số 238/BC-UBND về đánh giá “Tổng kết Nghị quyết 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 của tỉnh Đắk Nông”*, Đắk Nông.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2018). *Quyết định số 1760/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Giảm nghèo theo địa chỉ tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018-2020*, Đắk Nông.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2020). *Báo cáo số 241/BC-UBND về đánh giá tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020*, Đắk Nông.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2022a). *Quyết định số 1080/QĐ-UBND về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông*, Đắk Nông.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2022b). *Báo cáo số 744/BC-UBND về đánh giá, tổng kết một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, Đắk Nông.
- Nguyễn Phan Thị Thanh Xuân (2016). *Quản lý nhà nước về xóa đói, giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý xã hội, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.